

THỰC TRẠNG TỰ CHỦ TRONG QUẢN LÝ CHO CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN

● ZHANG HAI RUO - TRẦN NHUẬN KIÊN - ĐỒNG VĂN ĐẠT

TÓM TẮT:

Bài viết nghiên cứu thực trạng thực hiện tự chủ trong quản lý cho các trường cơ sở giáo dục (CSGD) thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên (ĐHTN). Kết quả đánh giá thực trạng tự chủ trong quản lý cho các trường CSGD thành viên thuộc ĐHTN và đưa ra kiến nghị giải pháp nhằm tăng cường tự chủ trong quản lý cho các trường CSGD thành viên thuộc ĐHTN.

Từ khóa: tự chủ; cơ sở giáo dục, Đại học Thái Nguyên, quản lý.

1. Đặt vấn đề

ĐHTN là Đại học vùng, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực; nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ chất lượng và trình độ cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đóng góp cho sự phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của khu vực trung du, miền núi phía Bắc và cả nước. Trong những năm qua và gần đây, giao quyền tự chủ cho các trường thành viên của ĐHTN đã có những bước phát triển đáng kể, nhưng vẫn có những vấn đề còn tồn tại, cần xem xét và giải quyết. Để có đánh giá sát thực nhất và đưa ra những giải pháp phù hợp với thực tế tự chủ trong quản lý cho các CSGD đại học thành viên thuộc ĐHTN, nghiên cứu được thực hiện dựa trên việc thu thập số liệu thực hiện tự chủ trong quản lý cho các CSGD đại học thành viên thuộc ĐHTN.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp, phương pháp phân tích và tổng hợp phương

pháp phân chia các thông tin thu thập được thành các bộ phận riêng biệt từ những tài liệu có sẵn, phương pháp thống kê so sánh. Từ kết quả thực trạng phân tích, phát hiện ra những xu hướng hay đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu. Trong đó, những thông tin quan trọng liên quan trực tiếp đến mục đích nghiên cứu của NCKH sẽ được lựa chọn và lưu lại, liên kết, sắp xếp tài liệu, thông tin đã thu được.

3. Thực trạng thực hiện tự chủ trong quản lý cho các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc tỉnh Thái Nguyên

3.1. Giới thiệu chung về Đại học Thái Nguyên

Đại học Thái Nguyên (ĐHTN - tên giao dịch bằng tiếng Anh: Thai Nguyen University; viết tắt là TNU) được thành lập ngày 4 tháng 4 năm 1994 trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. ĐHTN đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo trao quyền tự quyết định việc phê duyệt đề án liên kết đào tạo quốc tế và mở ngành đào tạo nhằm đáp ứng phù hợp với nhu

cầu xã hội. Hiện nay, ĐHTN có 22 chương trình liên kết đào tạo quốc tế ở tất cả các bậc học: tiến sỹ (3 chương trình), thạc sỹ (9 chương trình), cử nhân (9 chương trình) và cao đẳng (1 chương trình). ĐHTN đã không ngừng phát triển và hoàn thiện theo mô hình đầy đủ của một đại học vùng, đa cấp, đa ngành, bao gồm: các đơn vị quản lý, các đơn vị đào tạo, các đơn vị nghiên cứu và các đơn vị phục vụ đào tạo (tổng số 19 đơn vị thành viên, trong đó: 12 đơn vị đào tạo).

3.2. Về tổ chức và nhân sự

Cơ cấu tổ chức bộ máy của ĐHTN hiện nay, gồm: Hội đồng ĐHTN; Giám đốc, các Phó Giám đốc. Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng tư vấn. Văn phòng và ban chức năng, gồm: Ban Tổ

chức Cán bộ; Ban Kế hoạch - Tài chính; Ban Đào tạo; Ban Khoa học, Công nghệ và Đối ngoại; Ban Công tác học sinh, sinh viên; Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Ban Thanh tra; Ban Pháp chế và Thi đua; Ban Cơ sở vật chất và Văn phòng Đảng đoàn thể. Các CSGD đại học thành viên gồm 12 đơn vị. Tính đến ngày 31/12/2021, ĐHTN có 3.804 tổng số cán bộ viên chức (gồm cả biên chế và hợp đồng) (tăng 2,26 lần so với năm 1994), trong đó số cán bộ giảng dạy là 2.454 người, số cán bộ phục vụ giảng dạy là 1.268 người. Quy mô đội ngũ cán bộ giảng dạy đã tăng 3 lần, từ 963 người (năm 1994) lên 2.454 người (năm 2021). Trong tổng số CBVC của Đại học có 2.326 CBVC thuộc biên chế. (Bảng 1)

Bảng 1. Tổng số Đội ngũ cán bộ viên chức phân theo các đơn vị

TT	Đơn vị	Tổng số CBVC					
		2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Văn phòng ĐHTN	149	133	127	117	115	111
2	Trường ĐHKTCN	572	551	543	533	516	499
3	Trường ĐHSP	561	541	511	476	455	437
4	Trường ĐHYD	499	490	486	479	469	480
5	Trường ĐHNL	487	480	558	521	491	505
6	Trường ĐHKT&QTKD	491	477	446	414	388	370
7	Trường ĐHKH	332	327	320	310	301	297
8	Trường ĐHCNTT&TT	493	459	407	376	356	351
9	Trường CĐKT-KT	220	200	189	174	166	169
10	Trường Ngoại ngữ	156	164	160	158	157	159
11	Khoa Quốc tế	56	68	63	62	58	55
12	Bệnh viện Trường ĐHYD	76	74	81	79	78	82
13	Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Lào Cai	34	52	59	98	104	128
14	Các Trung tâm	166	158	170	146	134	136
15	Nhà Xuất bản	25	25	26	26	27	25
Tổng cộng		4317	4199	4146	3969	3815	3804

Nguồn: Đại học Thái Nguyên

Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy của ĐHTN cũng không ngừng tăng lên qua các giai đoạn phát triển, trong số 2.824 cán bộ giảng dạy hiện nay có 07 GS, 122 PGS, 838 Tiến sĩ (chiếm 22% tổng số cán bộ giảng dạy), 1.992 Thạc sĩ và tương đương. ĐHTN cũng chú trọng công tác nâng chất lượng đội ngũ cán bộ, vì vậy số lượng cán bộ giáo viên được cử đi đào tạo tiến sĩ và thạc sĩ cũng tăng dần qua các năm. Đến hết năm 2021, tổng số cán bộ, giảng viên đang được cử đi đào tạo tiến sĩ là 1.185 người. Tổng số cán bộ, giảng viên đang được cử đi đào tạo thạc sĩ là 1.279 người.

3.3. Về hoạt động đào tạo

Kế thừa và phát huy những thành quả xây dựng, phát triển về công tác đào tạo trong hàng chục năm trước đó, công tác đào tạo đại học và sau đại học của ĐHTN giai đoạn 2017 - 2021 đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực và nhu cầu học tập của con em đồng bào các dân tộc trong vùng. ĐHTN đã mở thêm các ngành nghề đào tạo mới, phù hợp với nhu cầu xã hội, trong đó có 7 chương trình tiên tiến, 3 chương trình đào tạo chất lượng cao, 4 chương trình đào tạo đều đủ điều kiện được cấp chứng nhận đạt chuẩn chất lượng AUN-QA trong tổng số 15 chương trình đào tạo được AUN-QA đánh giá. Cùng với phát triển hệ đào tạo chính quy, tiếp tục đa dạng hóa các loại hình đào tạo với các hệ đào tạo vừa học vừa làm, cử tuyển, chuyên tu, văn bằng 2, liên thông, đào tạo từ xa, LKĐTQT, quy mô đào tạo các bậc học (thời điểm tháng 6/2021) của ĐHTN như sau: Nghiên cứu sinh: 177; Học viên thạc sĩ: 3.987; Học viên BSK, BSNT: 965; SSV chính quy: 39.234; HSSV hệ vừa làm vừa học: 13.431; Tổng số: 57.794 học viên.

3.4. Về hoạt động khoa học và công nghệ

ĐHTN là đại học định hướng nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ trong các lĩnh vực: khoa học tự nhiên; khoa học xã hội - nhân văn; khoa học kỹ thuật công nghiệp, nông lâm nghiệp, chăn nuôi, thú y, thủy sản; khoa học sự sống; khoa học môi trường; khoa học Y - Dược; công nghệ thông tin và truyền thông.

Hơn nữa, ĐHTN đã thực hiện việc gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và NCKH, nguồn nhân lực thực hiện các hoạt động NCKH công nghệ ở ĐHTN chủ yếu là các giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên đại học. Với phương châm giảng viên là nhà khoa học, đào tạo dựa vào nghiên cứu khoa học và nghiên cứu phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, các đề tài NCKH của ĐHTN đã gắn liền với các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ và thực tiễn sản xuất. Đến nay, ĐHTN đã ký kết được các thỏa thuận hợp tác toàn diện về NCKH và chuyển giao công nghệ với 12 tỉnh thuộc vùng trung du, miền núi phía Bắc, thực hiện hàng trăm chương trình chuyển giao công nghệ cho hầu hết các tỉnh trong vùng, nhiều chương trình mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Một số kết quả NCKH và ứng dụng chuyển giao công nghệ đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao đã được đăng tải công bố trên các tạp chí và bài báo khoa học trong và ngoài nước. Giai đoạn 2019 - 2022 có tổng số 5.731 bài viết được đăng tải công bố, trong đó có 2.642 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí NCKH quốc tế; 3.089 bài viết kết quả NCKH công bố trên các tạp chí trong nước. Các kết quả NCKH và chuyển giao công nghệ công bố được các nhà quản lý, các nhà khoa học trong và ngoài nước đánh giá cao.

3.5. Về hợp tác quốc tế

ĐHTN và các trường thành viên có hơn 2.400 cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, đây là tiềm năng, lợi thế lớn về nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Thời gian qua, hoạt động khoa học đạt được kết quả nổi bật trong nhiều nội dung hợp tác. Trong hợp tác quốc tế, ĐHTN đã chú trọng đẩy mạnh liên kết với các cơ sở đào tạo uy tín ở nước ngoài và tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế; hiện xếp thứ 10 trong các trường đại học có công bố quốc tế tốt nhất Việt Nam, xếp thứ 4 trong các trường đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, ĐHTN không có nhiều lợi thế cạnh tranh so với các trường ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh trong việc thu hút đầu tư nước ngoài, cũng như thu hút lưu học sinh vào học. Công tác hợp tác quốc tế vẫn còn hạn chế,

chưa đảm bảo 100% số cán bộ giảng viên có thể sử dụng ngoại ngữ như một công cụ để làm việc độc lập với đối tác nước ngoài. Công tác hợp tác quốc tế còn chưa phát huy hết thế mạnh của đại học vùng, kết quả đạt được mới chỉ tập trung vào một số lĩnh vực, một số đơn vị.

3.6. Về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục

Kết quả đáng khích lệ trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của trường đại học được thực hiện trong năm 2021 đó là đã có 7 chương trình đào tạo được AUN-QA đánh giá ngoài, trong đó có 4 chương trình đào tạo đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng của AUN-QA, bao gồm 2 chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược (Bác sĩ Y khoa, Cử nhân Điều dưỡng), 2 chương trình đào tạo của Trường Đại học Sư phạm (Sư phạm Toán và Sư phạm Hóa), trong đó chương trình Bác sĩ Y khoa được đánh giá ở mức tốt hơn yêu cầu; 3 chương trình của Trường Đại học Nông Lâm (Bác sĩ Thú y, Kỹ sư Chăn nuôi Thú y, Kỹ sư Công nghệ thực phẩm) đã có kết quả sơ bộ đạt chuẩn chất lượng. Toàn Đại học cũng đã có 24 chương trình đào tạo thực hiện tự đánh giá theo tiêu chuẩn chất lượng của AUN-QA và Bộ Giáo dục và Đào tạo, 8 chương trình đào tạo được AUN-QA xếp lịch đánh giá vào tháng 4 và tháng 9/2022 bao gồm 3 chương trình đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm, 2 chương trình đào tạo của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Khoa Quốc tế, Trường Ngoại ngữ, mỗi đơn vị có 1 chương trình đào tạo và 7 chương trình đào tạo đánh giá theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm: 4 chương trình đào tạo của Trường Đại học Khoa học, 3 chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh. Để nâng cao chất lượng đào tạo, trách nhiệm của các cơ sở đào tạo và nhằm kiểm tra lại chất lượng của quá trình đào tạo, ĐHTN đã tổ chức các đợt đánh giá có sự tham gia của các nhà tuyển dụng lao động, các nhà quản lý giáo dục, các đồng nghiệp đến từ các trường bạn. Nhằm nâng cao năng lực và xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, cuối năm 2021 ĐHTN đã có nhiều

cán bộ được cấp thẻ Kiểm định viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp, hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên do Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia tổ chức, hơn 300 cán bộ về đánh giá chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA.

3.7. Về tài chính, tài sản

Trong giai đoạn 2017 - 2021, công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đã được quan tâm nhiều hơn. ĐHTN cũng chú trọng đầu tư tập trung, trọng điểm mặc dù còn nhiều khó khăn. Nguồn thu: Nguồn lực tài chính của ĐHTN bao gồm: (1) NSNN cấp; (2) Phí, lệ phí; (3) Các nguồn thu khác như: Hợp tác NCKH, hợp tác quốc tế, vốn tài trợ ODA của Chính phủ, vốn vay của các quỹ hỗ trợ phát triển, hỗ trợ đầu tư... Nguồn thu của ĐHTN trong giai đoạn 2017 - 2021, tổng nguồn NSNN được cấp chiếm 30,82%; nguồn thu phí, lệ phí chiếm tỷ lệ lớn nhất 53,43%; các nguồn thu hợp pháp khác là chiếm 15,75%. Công tác tự chủ đại học của Nhà trường đang từng bước được thực hiện theo quy định. Bên cạnh đó, nguồn lực tài chính của các trường chủ yếu phụ thuộc học phí của người học nộp, phần kinh phí này cơ bản chỉ đáp ứng được kinh phí chi thường xuyên. Do đó, để tích lũy được một khoảng chi cho công tác đầu tư phát triển Nhà trường khá khó khăn.

3.8. Đánh giá chung thực trạng thực hiện tự chủ trong quản lý

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, để tồn tại và phát triển trong môi trường vừa phải hợp tác chặt chẽ, vừa phải cạnh tranh ngày càng quyết liệt đang đặt ra cho ĐHTN những thách thức phải đương đầu. Chính vì vậy, vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo, tích cực thúc đẩy giao lưu, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao khoa học và tiếp nhận công nghệ tiên tiến trên thế giới đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội là một vấn đề sống còn của mỗi quốc gia, mỗi trường đại học trên thế giới nói chung, ĐHTN nói riêng. Bên cạnh những kết quả tốt đạt được, nhiều CSGD thành viên mới thành lập còn thiếu thốn về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu, đội ngũ cán bộ giảng dạy còn trẻ và chưa có nhiều kinh nghiệm. Các sản phẩm khoa học công nghệ, bài báo quốc tế còn hạn chế so với

yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Trong quá trình hội nhập quốc tế, ĐHTN đã có nhiều đột phá như mở rộng liên kết đào tạo quốc tế, phát triển chương trình tiên tiến nhập khẩu từ những trường đại học có đẳng cấp cao và đẩy mạnh các chương trình chất lượng cao, tăng cường phát triển năng lực ngoại ngữ, tin học cho giáo viên để thúc đẩy hội nhập trong giáo dục và đào tạo, kết quả đạt được mới dừng ở phát triển số lượng, chưa đạt được giá trị cao về chất lượng, năng lực cạnh tranh của ĐHTN so với một số trường quốc gia và các trường ở các thành phố lớn là một vấn đề cần được quan tâm hơn để tìm ra được chiến lược và hướng đi riêng.

4. Giải pháp tăng cường tự chủ trong quản lý cho các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên

Để tự chủ trong quản lý cho các CSGD đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên đạt hiệu quả như mong muốn, cần có sự triển khai các giải pháp sau:

Một là, Quyền tự chủ cho các cơ sở GDĐH cần được giao đồng bộ, bao gồm tự chủ nguồn nhân lực; tự chủ trong các vấn đề liên quan đến tuyển sinh và quản lý sinh viên; tự chủ trong các hoạt động học thuật và chương trình giáo dục như phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên, nội dung chương trình, học liệu.

Hai là, Tổ chức rà soát lại toàn diện chức năng, nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ, hiện trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị và hiệu quả hoạt động của các đơn vị trong toàn ĐHTN.

Ba là, Xây dựng và ổn định đội ngũ cán bộ trong toàn ĐHTN đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đảm bảo chất lượng giáo dục. Đảm bảo phát triển đội ngũ cân đối giữa các ngành nghề đào tạo.

Bốn là, Hoàn thiện quy chế, chính sách đãi ngộ,

quản lý và sử dụng nhân sự hợp lý nhằm thu hút nhân tài trong và ngoài nước.

Năm là, Nâng cao chất lượng đào tạo song song phát triển quy mô một cách hợp lý.

Sáu là, Tiếp tục phát triển các chương trình tiên tiến và chương trình chất lượng cao, củng cố và phát triển các chương trình hợp tác và liên kết đào tạo quốc tế.

Bảy là, Nâng cao chất lượng và tính bền vững của các chương trình liên kết quốc tế, các chương trình đồng cấp bằng, chú trọng vào các đối tác cơ sở đào tạo nước ngoài có xếp hạng cao và trung bình trên thế giới.

Tám là, Chủ động sử dụng nguồn kinh phí (bao gồm ngân sách cấp và nguồn thu sự nghiệp...) đáp ứng yêu cầu hoạt động của đơn vị, đảm bảo chỉ tiêu hiệu quả, tiết kiệm trên cơ sở quy chế chi tiêu nội bộ do đơn vị xây dựng, thực hiện tốt hơn quy định công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng nguồn tài chính.

5. Kết luận

Tự chủ đại học là bước đi cần thiết và quan trọng để giáo dục đại học Việt Nam phát triển và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, hiện nay, hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước liên quan đến công tác này còn thiếu đồng bộ, một số nội dung quy định Nhà trường được phép tự chủ, nhưng trên thực tế chưa thực hiện được. Để thực hiện tốt công tác tự chủ trong quản lý của các cơ CSGD đại học thành viên của ĐHTN cần thực hiện các giải pháp mang tính đồng bộ và từng bước mang tính chiến lược nhằm tăng khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, nâng cao kinh nghiệm về giảng dạy, NCKH, nhân sự, tài chính và hợp tác quốc tế, nâng cao khả năng cạnh tranh với chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chính phủ (1994). *Nghị định số 31/NĐ-CP ngày 04/4/1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2006). *Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/4/2006 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*, Hà Nội.

3. Đại học Thái Nguyên (2022). *Danh mục dự án hợp tác quốc tế năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021*.
4. Đại học Thái Nguyên (2022). *Công khai dự toán thu - chi năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021*.
5. Quốc hội (2019). *Luật số 43/2019/QH14: Luật Giáo dục*.
6. Quốc hội (2012). *Luật số 08/2012/QH13: Luật Giáo dục Đại học*.

Ngày nhận bài: 6/3/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 9/4/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 18/4/2023

Thông tin tác giả:

1. ZHANG HAI RUO

Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên

2. TRẦN NHUẬN KIÊN

Giám đốc Trung tâm số, Đại học Thái Nguyên

3. ĐỒNG VĂN ĐẠT

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên

THE ACTUAL IMPLEMENTATION OF THE AUTONOMY MECHANISM IN MANAGEMENT AT EDUCATIONAL INSTITUTIONS OF THAI NGUYEN UNIVERSITY

- ZHANG HAI RUO¹
- CHAN NHUAN KIEN²
- DONG VAN DAT³

¹Ph.D student, Thai Nguyen University of Business Administration

²Director, Learning Resource Center, Thai Nguyen University

³Thai Nguyen University of Business Administration

ABSTRACT:

This study explores the actual implementation of the autonomy mechanism in management at educational institutions of Thai Nguyen University. Based on the study's findings, some solutions are proposed to enhance the autonomy in terms of management of Thai Nguyen University's educational institutions.

Keywords: autonomy, educational institution, Thai Nguyen University, management.